

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13/01/2021

V/v: “*Tranh chấp về tài sản  
chung sau khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Mận.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thông Phi;

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp về chia tài sản chung sau khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Thị H, sinh năm 1988;

Trú tại: Tổ 1, khu phố T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1986;

Trú tại: Tổ 1, khu phố T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Mang Thị N, sinh năm 1947 và ông Mang C, sinh năm 1942. Cùng trú tại: Tổ 1, khu phố T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, chị H, anh C và bà Mang Thị N có mặt; ông Mang C vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:*

Chị H và anh C chung sống với nhau từ năm 2005, đến năm 2007 thì đăng ký kết hôn. Tuy nhiên do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị H và anh C đã ly hôn vào năm 2019 theo bản án số 23/2019/HNGĐ-ST, ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện T. Tại thời điểm ly hôn cả chị H và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản. Tuy nhiên hiện nay do không thỏa thuận được với anh C về việc giải quyết phân chia tài sản chung; bản thân chị không có chỗ ở cho con được đi học; anh C chiếm dụng tài sản chung cho cá nhân mà không chăm lo cho con cái. Vì vậy chị H yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia đối với tài sản chung là: Một căn nhà xây cấp 4, trước đây được nhà nước hỗ trợ 11.000.000đồng để xây dựng; trong thời gian chung sống chị H và anh C cũng đầu tư xây dựng thêm phần nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm. Căn nhà này được xây dựng trên đất của ông Man C và bà Man Thị N là cha mẹ của chị H. Vì vậy chị H chỉ yêu cầu chia giá trị căn nhà. Do hiện nay chị H đang nuôi hai người con nhỏ nên chị H yêu cầu được sở hữu, sử dụng căn nhà và sẽ thanh toán giá trị cho anh C.

Ngoài ra chị H còn yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm chịu các khoản chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

*Theo biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày như sau:*

Anh Nguyễn Văn C thừa nhận trước đây anh và chị Thị H là vợ chồng, tuy nhiên do cuộc sống của vợ chồng không có hạnh phúc nên đã ly hôn vào năm 2019 theo bản án số 23/2019/HNGĐ-ST, ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện T. Tại thời điểm ly hôn anh C và chị H chưa phân chia tài sản chung. Anh C cũng trình bày trước đây khi anh C và chị H kết hôn với nhau thì được cha mẹ chị H cho một lô đất để làm nhà ở. Khoảng năm 2008 thì anh chị được nhà nước hỗ trợ 11.000.000đồng, anh chị đầu tư thêm một số vốn để xây dựng nhà. Sau đó thì cha mẹ chị H cho thêm một con trâu anh chị bán lấy tiền xây dựng thêm phần nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà tắm. Hiện nay đất xây dựng nhà đang do ông Mang C và bà Man Thị N đứng tên chủ sử dụng chứ chưa làm thủ tục chuyển quyền cho anh C và chị H. Từ thời gian anh C và chị H ly hôn với nhau thì chị H dẫn một người con vào rẫy sống với cha mẹ ruột nên anh C cùng một người con vẫn sinh sống trong căn nhà chung của hai vợ chồng. Hiện nay chị H yêu cầu phân chia đối với tài sản chung này thì anh C không đồng ý vì hiện nay anh C cũng không có nhà ở, anh C muốn tiếp tục được sử dụng nhà để giữ lại tài sản cho con. Trường hợp chị H có yêu cầu phân chia tài sản và muốn lấy căn nhà để sử dụng thì chị H phải thanh toán cho anh C một số tiền đủ để anh C xây dựng một căn nhà để ở.

Ngoài ra anh C không có yêu cầu gì thêm.

*Theo biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Mang Thị N trình bày:*

Bà Mang Thị N và ông Mang C là cha mẹ ruột của chị Thị H.

Trước đây khi chị H và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau thì bà N và ông C có cho chị H một lô đất để làm nhà ở. Việc cho đất này theo phong tục chỉ cho con gái làm nhà ở nên không làm thủ tục sang tên quyền sử dụng mà đất đai vẫn do vợ chồng ông Mang C và bà Mang Thị N đứng tên chủ sử dụng. Trong quá trình chị H và anh C chung sống với nhau thì ngoài việc cho các con làm nhà trên đất của gia đình còn phụ giúp thêm tiền để cho các con xây dựng nhà. Hiện nay chị H và anh C sống với nhau không có hạnh phúc đã ly hôn và giải quyết phân chia tài sản với nhau thì bà N không có ý kiến gì nhưng đối với diện tích đất đã xây dựng nhà là của vợ chồng bà N và ông C thì bà N lấy lại cho chị H chứ không cho chị H và anh C phân chia với nhau.

Bà N cũng không có ý kiến về các tài sản cũng như giá trị tài sản mà chị H và anh C yêu cầu phân chia với nhau.

*Những tình tiết mà các đương sự đã thống nhất với nhau:* Anh C và chị H thống nhất tài sản chung là một căn nhà cấp 4C có diện tích 6m x 5,2m móng đá chẻ, mái lợp tôn kẽm, tường xây gạch được xây dựng vào năm 2008 và phần nhà sau là nhà cấp 4C móng đá chẻ, mái lợp tôn, tường xây gạch có tô và khu vệ sinh được xây dựng vào năm 2011.

*Những tình tiết mà các đương sự không thống nhất với nhau:*

+ Chị H yêu cầu chia đôi tài sản theo giá trị, chị H có nhu cầu được sử dụng nhà để ở và thanh toán lại 1/2 giá trị tài sản cho anh Nguyễn Văn C.

+ Anh Nguyễn Văn C không chấp nhận yêu cầu của chị H và yêu cầu được tiếp tục sử dụng nhà.

*Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự theo các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 146, 147, 203; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án để tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận của chị Thị H và anh Nguyễn Văn C:

Giao cho chị H được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 có diện tích 49m<sup>2</sup> tọa lạc tại tổ 1, khu phố T, thị trấn L, Tánh Linh, Bình Thuận thuộc thửa số 28, tờ bản đồ số 77, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AG 713591 của hộ ông Mang C.

Chị Thị H phải hoàn toàn trả lại giá trị chênh lệch cho anh Nguyễn Văn C là 43.776.000đồng;

Chị H và anh C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về thẩm quyền:*

Xét yêu cầu phân chia tài sản chung sau khi ly hôn của chị Thị H, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### *[2] Về tố tụng:*

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Mang C vắng mặt. Tuy nhiên xét thấy sự vắng mặt của ông Mang C không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó HĐXX đã tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Mang C.

#### *[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thị H đối với anh Nguyễn Văn C.*

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ yêu cầu phân chia tài sản chung với anh C sau khi ly hôn là: 01 căn nhà xây bao gồm phần nhà trên có diện tích 31,2m<sup>2</sup> được xây dựng năm 2008 có giá trị 39.936.000đồng và nhà dưới, khu vệ sinh có tổng diện tích 18,6m<sup>2</sup> có giá trị là 47.616.000đồng. Tổng giá trị tài sản chung là 87.552.000đồng. Nhà được xây dựng trên đất của ông Mang C và bà Mang Thị N là cha mẹ ruột của chị H. Chị H có nguyện vọng được sở hữu và sử dụng các tài sản này, chị H sẽ có trách nhiệm thanh toán cho anh C 1/2 giá trị tài sản là 43.776.000đồng.

Tại phiên tòa anh C thừa nhận các tài sản như chị H trình bày là tài sản chung của anh C và chị H xây dựng được trong thời kỳ hôn nhân. Anh C cũng thống nhất giá trị tài sản chung theo kết luận mà Hội đồng định giá tài sản đã đưa ra theo biên bản định giá ngày 03/12/2020. Anh C đồng ý giao lại tài sản là căn nhà nói trên cho chị Thị H sử dụng để ở, nuôi các con và chị H phải thanh toán cho anh C một nửa giá trị tài sản nói trên là 43.776.000đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Mang Thị N cũng thống nhất theo sự thỏa thuận của chị H và anh C tại phiên tòa và không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Xét thấy: Tại phiên tòa các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung. Xét thấy sự thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận. Theo đó cần giao cho chị Thị H được quyền sở hữu và sử dụng một căn nhà xây cấp 4C có diện tích 31,2m<sup>2</sup> được xây dựng vào năm 2008 có giá trị 39.936.000đồng; phần nhà sau là nhà cấp 4C và khu vệ sinh có diện tích 18,6m<sup>2</sup> trị giá 47.616.000đồng. Tổng cộng giá trị tài sản là 87.552.000đồng (Tám mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi hai ngàn đồng). Chị Thị H phải thanh toán cho anh Nguyễn Văn C một nửa giá trị tài sản chung là 43.776.000đồng (Bốn mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về chi phí tố tụng*: Trong quá trình tố tụng chị Thị H đã nộp các khoản chi phí tố tụng gồm: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000đồng; chi phí định giá tài sản 1.200.000đồng. Tại phiên tòa chị H đồng ý chịu các khoản chi phí tố tụng này và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét đến nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng.

[5] *Về án phí*: Chị Thị H và anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146, khoản 2 điều 147, Điều 203; các Điều 262, 273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

### **Tuyên xử:**

Công nhận sự thỏa thuận của chị Thị H và anh Nguyễn Văn C như sau:

Giao cho chị Thị H được quyền sở hữu và sử dụng một căn nhà xây cấp 4C gồm có: Phần nhà trước có diện tích 31,2m<sup>2</sup> được xây dựng vào năm 2008 có giá trị 39.936.000đồng; phần nhà sau là nhà cấp 4C và khu vệ sinh được xây dựng vào

năm 2011 có diện tích 18,6m<sup>2</sup> trị giá 47.616.000đồng. Tổng cộng giá trị tài sản là 87.552.000đồng (Tám mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Chị Thị H phải thanh toán cho anh Nguyễn Văn C một nửa giá trị tài sản chung là 43.776.000đồng (Bốn mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi sáu ngàn đồng)

*Về án phí:* Chị Thị H phải nộp 2.189.000đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 487.500đồng theo biên lai số N 0004281, ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án huyện T. Chị H còn phải nộp 1.701.500đồng án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách nhà nước.

Anh Nguyễn Văn C phải nộp 2.189.000đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách nhà nước.

*Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (13/01/2021); người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mang C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

*(Đã giải thích quyền kháng cáo)*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn L;
- Lưu hồ sơ – án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Mận**